

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ 9
TUẦN 7

I. Đáp án các câu hỏi tuần 6.

1A	2B	3A	4D	5C	6B	7D	8A	9A	10B
11A	12C	13B	14D	15B	16A	17B	18C	19C	20D
21C	22C	23A	24C	25D	26A	27C	28B	29A	30A
31D	32B	33D	34D	35D	36D	37A	38A	39D	40D

II. Chọn đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau.

Câu 1. Vùng nào sau đây có mật độ dân số cao nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng. C. Đông Nam Bộ.
B. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Các điểm dân cư của người Kơ-me có tên gọi nào sau đây?

- A. Làng, ấp. C. Buôn, plây.
B. Bản. D. Phum, sóc.

Câu 3. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế ở nước ta đang có thay đổi theo xu hướng nào sau đây?

- A. Tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp ít thay đổi.
B. Tỷ trọng lao động công nghiệp – xây dựng giảm.
C. Tỷ trọng lao động ngành dịch vụ tăng.
D. Tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp tăng.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không** phải là thành tựu về nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta trong những năm qua?

- A. Tỷ lệ người lớn biết chữ ngày càng cao.
B. Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.
C. Chất lượng cuộc sống dân cư giữa các vùng không còn chênh lệch.
D. Tỷ lệ tử vong, suy dinh dưỡng ở trẻ em ngày càng giảm.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** phải là thành tựu phát triển kinh tế nhờ công cuộc Đổi mới?

- A. Cơ cấu ngành kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá.
B. Trong công nghiệp đã hình thành các ngành trọng điểm.
C. Thu hút đầu tư nước ngoài đều khắp các vùng trên lãnh thổ nước ta.
D. Nền kinh tế tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu.

Câu 6. Nhân tố tự nhiên nào sau đây được coi là tư liệu sản xuất của ngành nông nghiệp?

- A. Tài nguyên đất. C. Tài nguyên nước.
B. Tài nguyên khí hậu. D. Tài nguyên sinh vật.

Câu 7. Cây lương thực ở nước ta bao gồm :

- A. lúa, ngô, sắn. C. lạc, khoai, lúa.
B. lúa, ngô, đậu tương. D. khoai, lúa, đậu tương.

Câu 8. Vùng phân bố chính của cây cao su là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. C. Tây Nguyên.
B. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 9. Rừng đầu nguồn có tác dụng lớn nhất trong việc

- A. chắn sóng, chắn gió, chống xói mòn.
B. cung cấp gỗ, lâm sản, nguồn gen quý.
C. điều hoà nước sông, chống lũ, chống xói mòn.
D. chắn gió, chống cát bay, chống xói mòn.

- Câu 10.** Nguồn tài nguyên than, dầu, khí có vai trò đối với sự phát triển ngành công nghiệp
- A. năng lượng, hoá chất. C. vật liệu xây dựng.
 B. luyện kim màu, hoá chất. D. cơ khí và luyện kim.
- Câu 11.** Hai vùng tập trung công nghiệp lớn nhất nước ta là :
- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
 B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
 C. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.
 D. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 12.** Tổ hợp nhiệt điện khí lớn nhất nước ta hiện nay là
- A. Phả Lại. C. Phú Mỹ.
 B. Uông Bí. D. Ninh Bình.
- Câu 13.** Loại hình vận tải có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá ở nước ta là
- A. đường bộ. C. đường biển.
 B. đường sắt. D. đường hàng không.
- Câu 14.** Nhóm dịch vụ tiêu dùng bao gồm
- A. giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. C. tài chính, tín dụng, ngân hàng.
 B. dịch vụ cá nhân và cộng đồng. D. giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao.
- Câu 15.** Sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?
- A. Khánh Hoà. C. Lâm Đồng.
 B. Phú Yên. D. Thừa Thiên – Huế.
- Câu 16.** Địa hình của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu là
- A. đồi núi. C. cao nguyên.
 B. đồng bằng. D. bán bình nguyên.
- Câu 17.** Khai thác than đá được phát triển mạnh nhất ở tỉnh nào sau đây?
- A. Thái Nguyên. B. Tuyên Quang. C. Quảng Ninh. D. Lạng Sơn.
- Câu 18.** Số lượng các tỉnh, thành phố của Đồng bằng sông Hồng là
- A. 6. B. 9. C. 10. D. 11.
- Câu 19.** Địa danh du lịch Tam Đảo thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?
- A. Ninh Bình. B. Vĩnh Phúc. C. Nam Định. D. Hà Nội.
- Câu 20.** Từ tây sang đông, địa hình các tỉnh Bắc Trung Bộ lần lượt là
- A. biển và hải đảo, đồng bằng, gò đồi, núi. C. các cao nguyên, biển và hải đảo.
 B. núi, gò đồi, đồng bằng, biển và hải đảo. D. gò đồi, núi, biển đảo và đồng bằng.
- Câu 21.** Vùng Bắc Trung Bộ có Di sản thiên nhiên thế giới nào sau đây?
- A. Cố đô Huế. C. Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.
 B. Bãi tắm Thiên Cầm. D. Vườn quốc gia Vũ Quang.
- Câu 22.** Các đảo Lý Sơn, Phú Quý lần lượt thuộc các tỉnh/thành phố nào sau đây?
- A. Bình Thuận, Quảng Ngãi. C. Đà Nẵng, Phú Yên.
 B. Quảng Ngãi, Bình Thuận. D. Phú Yên, Đà Nẵng.
- Câu 23.** Hiện tượng sa mạc hoá có nguy cơ mở rộng ở các tỉnh
- A. Quảng Nam, Quảng Ngãi. C. Ninh Thuận, Bình Thuận.
 B. Phú Yên, Khánh Hoà. D. Bình Định, Quảng Ngãi.
- Câu 24.** Đặc điểm nổi bật của địa hình Tây Nguyên là
- A. địa hình cao nguyên xếp tầng. C. độ cao địa hình lớn nhất nước ta.
 B. bề mặt địa hình bằng phẳng. D. có nhiều đồi xen kẽ các khu vực núi thấp.
- Câu 25.** Trong vùng Tây Nguyên, chè được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?
- A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Lâm Đồng.
- Câu 26.** Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là
- A. Thủ Dầu Một. C. Thành phố Hồ Chí Minh.
 B. Biên Hoà. D. Vũng Tàu.

- Câu 27.** Sản xuất nông nghiệp ở Đông Nam Bộ **không** gặp những khó khăn nào sau đây?
 A. Chất lượng môi trường đang suy giảm. C. Thị trường tiêu thụ sản phẩm biến động.
 B. Thiếu nước tưới vào mùa khô. D. Thiếu nguồn lao động có chất lượng cao.
- Câu 28.** Trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, rừng ngập mặn chiếm diện tích lớn nhất ở
 A. dọc theo duyên hải tây nam. C. dọc theo sông Tiền và sông Hậu.
 B. bán đảo Cà Mau. D. đảo Phú Quốc và quần đảo Hà Tiên.
- Câu 29.** Trong sản xuất lương thực, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có
 A. năng suất lúa cao nhất nước ta.
 B. diện tích lúa đứng thứ hai nước ta.
 C. bình quân lương thực đầu người cao nhất cả nước.
 D. lượng gạo xuất khẩu lớn thứ hai cả nước.
- Câu 30.** Vịnh nào sau đây được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới ?
 A. Vịnh Hạ Long. C. Vịnh Vân Phong.
 B. Vịnh Xuân Đài. D. Vịnh Cam Ranh.
- Câu 31.** Sông nào sau đây chủ yếu chảy trong nội đô Hà Nội ?
 A. Sông Đà, sông Đuống. C. Sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu.
 B. Sông Nhuệ, sông Cầu. D. Sông Đáy, sông Cà Lồ.
- Câu 32.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cửa khẩu quốc tế nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long ?
 A. Xà Xía, Lệ Thanh, Lao Bảo, Nậm Cắn. C. Hữu Nghị, Tây Trang, Cha Lo, Bờ Y.
 B. Xà Xía, Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Dinh Bà. D. Xa Mát, Tịnh Biên, Mộc Bài, Hoa Lư.
- Câu 33.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết vùng kinh tế nào sau đây ở nước ta có nhiều trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước ?
 A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. C. Đông Nam Bộ.
 B. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 34.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
 A. Tà Lùng. B. Thanh Thủy. C. Tây Trang. D. Cầu Treo.
- Câu 35.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết những tỉnh nào sau đây dẫn đầu về sản lượng khai thác thủy sản?
 A. Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận.
 B. Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ.
 C. Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
 D. An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ.
- Câu 36.** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây **không** phải là trung tâm du lịch quốc gia?
 A. Hà Nội. C. Hải Phòng.
 B. Thành phố Hồ Chí Minh. D. Huế.
- Câu 37.** Cho bảng số liệu:

Số lượng đàn trâu, bò nước ta, năm 2000 và năm 2014

(Đơn vị: nghìn con)

Đàn	Năm	2000	2014
	Trâu		2897,2
Bò		4127,9	5234,3

- Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện số lượng đàn trâu, bò nước ta năm 2000 và năm 2014?
 A. Biểu đồ kết hợp. C. Biểu đồ cột ghép (cột nhóm).
 B. Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ đường.

Câu 38. Cho bảng số liệu:

Tổng số vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam năm 2015

(Đơn vị: triệu USD)

Vùng	Vốn đầu tư
Cả nước	281 882,5
Đông Nam Bộ	122 544,5
Các vùng khác	159 338,0

Vùng Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2015?
 A. 43,4%. B. 56,6%. C. 34,4%. D. 65,6%.

Câu 39. Cho bảng số liệu:

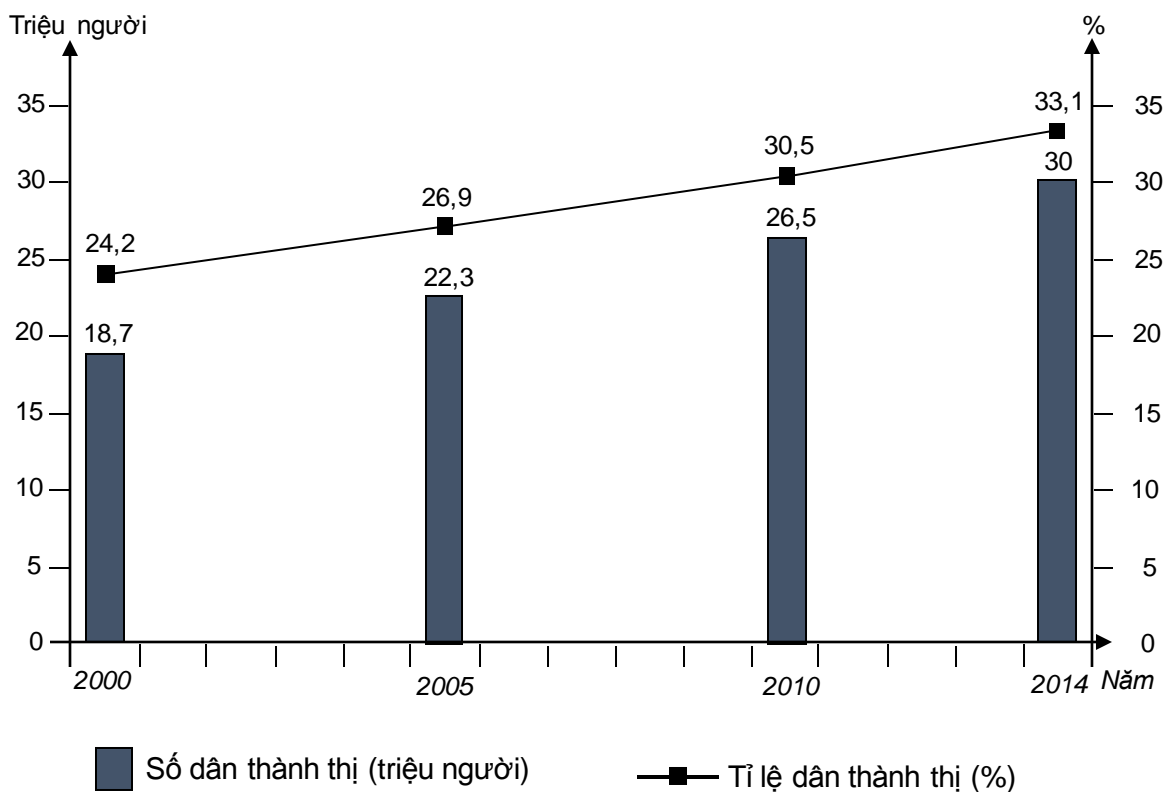
*Sản lượng thủy sản, giá trị sản xuất thủy sản
 của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, năm 2014*

Tiêu chí \ Vùng	Sản lượng (nghìn tấn)	Giá trị sản xuất (tỉ đồng)
Đồng bằng sông Cửu Long	3 619,5	128 343,0
Cả nước	6 332,6	217 432,7

Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2014?

- A. Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 59% cả nước.
- B. Giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.
- C. Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.
- D. Giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm dưới 50% cả nước.

Câu 40. Cho biểu đồ về dân số nước ta:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2000 – 2014.
- B. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2000 – 2014.
- C. Số dân nước ta và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2000 – 2014.
- D. Quy mô dân số thành thị nước ta, giai đoạn 2000 – 2014.

III. Trong study.hanoi.edu.vn: Học sinh làm đề Ôn tập THCS – đề 14.

-----Hết-----